



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
3	19115009	Lê Nguyễn Bảo	DH19CB			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
4	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
5	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			1,0	0,5	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
6	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
7	19153012	Lê Công Tiên	DH19CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	19153013	Nguyễn Võ Anh	DH19CD			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh	DH19CD			1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
11	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
12	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			1,0	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
13	18154021	Lâm Gia Đạt	DH18OT			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
14	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
15	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			1,0	1,5	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
16	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			0,0	1,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153006	Võ Quan	Đăng	DH19CD		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
18	19115020	Huỳnh Ngọc	Đông	DH19CB		1,0	0,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
19	19153016	Mai Xuân	Hải	DH19CD		1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
20	19153017	Nguyễn Thanh	Hải	DH19CD		0,0	1,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
21	19115030	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	DH19CB		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
22	19153019	Bùi Anh	Hiếu	DH19CD		0,0	0,75	0,25	1,0	0012345678910	0123456789
23	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	DH19CD		1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
24	19115033	Nguyễn Trung	Hiếu	DH19CB		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
25	16154040	Nguyễn Kim	Hoàng	DH16OT		1,0	1,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
26	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD		1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
27	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD		1,0	1,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
28	19115045	Võ Hoàng Nguyên	Hưng	DH19CB		1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
29	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
30	19153030	Nguyễn Duy	Khang	DH19CD		1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
31	19153033	Mai Đăng	Khoa	DH19CD		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
32	19153034	Chu Trương Đăng	Khôi	DH19CD		1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
34	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
35	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
36	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			1,0	1,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
37	19115071	Nguyễn Đức Mạnh	DH19GN	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
38	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			0,5	1,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
39	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			1,0	1,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
40	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
41	19153045	Bùi Hoàng Phước	DH19CD	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
42	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
43	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
44	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			1,0	1,75	4,25	7,0	0012345678910	0123456789
45	19153052	Đỗ Văn Tình	DH19CD			1,0	1,25	0,25	2,5	0012345678910	0123456789
46	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
47	19153057	Nguyễn Duy	DH19CD			1,0	1,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
48	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			1,0	1,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			1,0	1,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
50	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			1,0	1,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
51	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
52	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			1,0	1,0	3,8	5,8	0012345678910	0123456789
53	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
54	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
55	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
56	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
57	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			1,0	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
58	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
59	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			1,0	1,5	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
60	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			1,0	1,0	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
61	19115111	Phạm Thị Thanh Thảo	DH19CB			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
62	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			1,0	1,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
63	19115113	Bạch Phước Thiện	DH19CB			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
64	19153078	Nguyễn Hưng Thịnh	DH19CD			1,0	1,25	0,25	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19153079	Hoàng Thông	DH19CD	Thang		1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
66	19153080	Kiều Thuy	DH19CD	Thuy		1,0	1,0	2,5	2,5	0012345678910	0123456789
67	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD	Tien		0,5	0,8	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
68	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD	Tien		1,0	1,3	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
69	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD	Tin		0,0	0,5	3,3	3,8	0012345678910	0123456789
70	19153086	TẠ Thị Ngọc	DH19CD	Anh		1,0	1,8	4,0	6,8	0012345678910	0123456789
71	19153087	Đặng Nguyễn Thành	DH19CD	Thanh		1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
72	19115135	Võ Trần Đình	DH19GN	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
73	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD	Truong		1,0	1,5	0,8	3,3	0012345678910	0123456789
74	19153089	Phạm Lê Tấn	DH19CD	Tan	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
75	19115136	Trần Nhật	DH19CB		✓					0012345678910	0123456789
76	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD	Tu		1,0	0,8	4,0	1,8	0012345678910	0123456789
77	19115138	Nguyễn Xuân	DH19GN		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
78	19153093	Trần Ngọc Vui	DH19CD	Vui		1,0	1,0	4,0	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01885

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

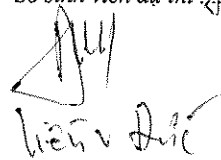
Giờ Thi 07:30

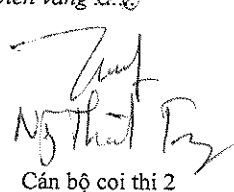
Phòng Thi TV202

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng


Cán bộ coi thi 1

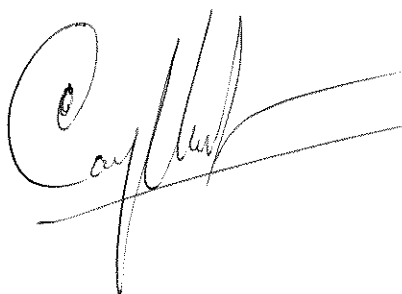

Cán bộ coi thi 2

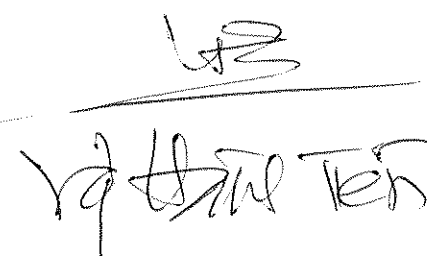
Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2







Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			0,0	1,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
4	19118010	Lê Thái Thiên	DH19CK			0,5	0,8	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
5	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
6	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
7	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			1,0	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			1,0	1,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
9	19118030	Chế Nguyễn Văn	DH19CK			1,0	1,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
10	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
11	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
12	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
13	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
14	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			1,0	1,3	0,5	2,8	0012345678910	0123456789
15	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			1,0	1,3	4,5	6,8	0012345678910	0123456789
16	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			1,0	1,0	4,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
18	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			1,0	1,3	4,5	6,8	0012345678910	0123456789
19	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			1,0	1,25	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			1,0	0,25	0,25	1,5	0012345678910	0123456789
21	19118070	Nguyễn Văn Hoan	DH19CK		(Cấp Thi 1)					0012345678910	0123456789
22	17115041	Phạm Minh Hoàng	DH17GB			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
23	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			1,0	1,5	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
24	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
25	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
26	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
27	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
28	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
29	17115053	Trần Đăng Khoa	DH17GN			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
30	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			1,0	0,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
31	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
32	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			1,0	1,5	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
34	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			1,0	0,75	1,25	3,0	0012345678910	0123456789
35	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC			1,0	1,3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
36	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			1,0	1,0	4,3	6,3	0012345678910	0123456789
37	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
38	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			1,0	1,5	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
39	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
40	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			1,0	1,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
41	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
42	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
43	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
44	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
45	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
46	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK			1,0	1,5	0,8	3,3	0012345678910	0123456789
47	19118153	Nguyễn Minh Nghĩa	DH19CK		(cấm thi)					0012345678910	0123456789
48	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			1,0	1,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_03**

Tổ Thi **001_DH19CK_03**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK			1,0	1,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
50	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
51	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			1,0	1,0	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
52	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			1,0	1,25	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
53	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			0,8	1,0	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
54	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT			1,0	1,5	5,5	8,0	0012345678910	0123456789
55	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
56	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			1,0	2,0	7,0	10,0	0012345678910	0123456789
57	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			1,0	1,5	5,0	7,5	0012345678910	0123456789
58	19118198	Nguyễn Trường Sơn	DH19CK			1,0	0,5	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
59	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			1,0	1,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
60	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
61	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
62	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			1,0	1,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
63	19118212	Trần Quốc Hùng	DH19CK			1,0	1,5	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
64	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi

001_DH19CK_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
66	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
67	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
68	19118242	Phan Đặng Hoài Tĩnh	DH19CK			1,0	1,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
69	19118252	Nguyễn Trần Minh Tri	DH19CK			1,0	1,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
70	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			1,0	1,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
71	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1,0	1,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
72	19118260	Nguyễn Nhật Trường	DH19CC			1,0	1,5	6,5	9,0	0012345678910	0123456789
73	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
74	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			1,0	1,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
75	19118272	Nguyễn Quốc Vi	DH19CK			0,0	0,25	1,75	2,0	0012345678910	0123456789
76	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
77	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			1,0	1,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
78	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
79	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			1,0	1,25	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
80	19118284	Lâm Tuấn Vy	DH19CC			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01886

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 7.3 Số sinh viên vắng 7.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Thị Phương Thảo

Cay

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 01887

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL				3	7	10	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC				2.5	4.8	7.2	0012345678910	0123456789
3	19118006	Nguyễn Thành Bång	DH19CK				1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
4	17115004	Đoàn Văn Bảo	DH17GN				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
5	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
6	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL				2.3	3.9	6.2	0012345678910	0123456789
7	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL				3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
8	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL		1	3	5.3	9.3		0012345678910	0123456789
9	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK				2.7	4.9	7.6	0012345678910	0123456789
10	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
11	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL				3	6.5	9.5	0012345678910	0123456789
12	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK				2.8	5.3	8.1	0012345678910	0123456789
13	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL				2.3	3.7	6.0	0012345678910	0123456789
14	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL		1	2.9	4.7	8.6		0012345678910	0123456789
15	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL				2.3	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
16	17115017	Lê Quý Đô	DH17GN				1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01887

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			1	2.4	6.3	9.7	0012345678910	0123456789
18	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
19	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK				2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
20	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK				1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
21	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			1	2.3	3.2	6.5	0012345678910	0123456789
22	17137022	Huỳnh Nhứt Hồ	DH17NL				2.7	4	6.7	0012345678910	0123456789
23	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL				2.4	4.2	6.6	0012345678910	0123456789
24	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL				2	5.3	7.3	0012345678910	0123456789
25	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL				1.9	1.1	3.0	0012345678910	0123456789
26	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			1	2.6	5.6	8.2	0012345678910	0123456789
27	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL				3	7	10	0012345678910	0123456789
28	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
29	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			0.2	3	6.8	10	0012345678910	0123456789
30	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL				3	6	9.0	0012345678910	0123456789
31	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL				2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
32	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL				2.8	5.3	8.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01887

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			0.8	2.4	4	7.2	0012345678910	0123456789
34	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK				2.8	7	9.8	0012345678910	0123456789
35	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK				2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
36	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
37	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL				2.4	6.8	9.2	0012345678910	0123456789
38	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK				2.4	4.2	6.6	0012345678910	0123456789
39	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				2.4	3.9	6.3	0012345678910	0123456789
40	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK				2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
41	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL				2.5	6.1	8.6	0012345678910	0123456789
42	19137044	Nguyễn Hoàng Ngôan	DH19NL				3	6.8	9.7	0012345678910	0123456789
43	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL				2.9	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
44	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL				2	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
45	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL				1.8	0.4	2.2	0012345678910	0123456789
46	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL				2.8	3.9	6.7	0012345678910	0123456789
47	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL				1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
48	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC				2.8	2.5	5.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01887

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18154097	Hồ Hoàng Phúc	DH18OT				2.6	7	9.6	0012345678910	0123456789
50	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT				2.8	3.9	6.7	0012345678910	0123456789
51	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL				3	7	10	0012345678910	0123456789
52	19137054	Huỳnh Thị Ngọc	DH19NL				3	7	10	0012345678910	0123456789
53	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			1	3	5.6	9.6	0012345678910	0123456789
54	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT			1	2.8	2.8	6.6	0012345678910	0123456789
55	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL				2.1	3.9	6.0	0012345678910	0123456789
56	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL				2.3	4.2	6.5	0012345678910	0123456789
57	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL				2.1	4.4	6.5	0012345678910	0123456789
58	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			1	3	5.3	9.3	0012345678910	0123456789
59	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL				2.4	4.6	7.0	0012345678910	0123456789
60	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD				2.7	5.3	8.0	0012345678910	0123456789
61	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL				2.8	6.3	9.1	0012345678910	0123456789
62	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL				3	3.3	6.3	0012345678910	0123456789
63	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL				2.8	2.5	5.3	0012345678910	0123456789
64	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT				2.9	4.6	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01887

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL				2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789
66	19154148	Lương Tấn	DH19OT			1	2.9	6.1	10	0012345678910	0123456789
67	19137069	Nguyễn Công	DH19NL				3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
68	19137070	Nguyễn Quốc	DH19NL				2	5.3	7.3	0012345678910	0123456789
69	19154141	Nguyễn Quốc	DH19OT				2.2	4.6	6.8	0012345678910	0123456789
70	19137065	Phạm Phước	DH19NL				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
71	19137071	Bùi Quang	DH19NL				2.5	6.8	9.3	0012345678910	0123456789
72	19118235	Trần Thành	DH19CC				3	7	10	0012345678910	0123456789
73	19137075	Lê Thanh	DH19NL				/	/	/	0012345678910	0123456789
74	16115216	Huỳnh Ngọc	DH16CB				1	1.4	2.4	0012345678910	0123456789
75	19137077	Bùi Thành	DH19NL				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
76	19118259	Nguyễn Đức	DH19CK				2.8	3.2	6.0	0012345678910	0123456789
77	14118294	Nguyễn Phi	DH14CK				1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
78	19137079	Huỳnh Quốc	DH19NL				3	7	10	0012345678910	0123456789
79	19154189	Nguyễn Nho	DH19OT				1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
80	19118278	Phan Văn	DH19CC				2.9	2.1	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01887

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 20 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Nguyễn Văn Tuấn Anh

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường

Lê Quang Thi



Mã nhận dạng 01888

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 001_DH19OT_06

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

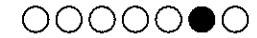
Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			0.3	2.7	7	10	0012345678910	0123456789
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT				3	3.3	6.3	0012345678910	0123456789
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				2	3.7	5.7	0012345678910	0123456789
4	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789
5	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				3	6	9	0012345678910	0123456789
6	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT				2.8	5.4	8.2	0012345678910	0123456789
7	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
8	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				1.4	3.3	4.7	0012345678910	0123456789
9	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT				2.9	5.3	8.2	0012345678910	0123456789
10	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				2.8	6.3	9.1	0012345678910	0123456789
11	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
12	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			0.2	2.8	7	10	0012345678910	0123456789
13	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				2.2	4.4	6.6	0012345678910	0123456789
14	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				2	4.2	6.2	0012345678910	0123456789
15	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				2.3	1.1	3.4	0012345678910	0123456789
16	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				2.8	6	8.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01888

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 001_DH19OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			0.9	2.8	5.8	9.5	0012345678910	0123456789
18	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT							0012345678910	0123456789
19	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				2	1.1	3.1	0012345678910	0123456789
20	19154050	Hà Ngọc Quốc	DH19OT				2.2	5.6	7.8	0012345678910	0123456789
21	19154051	Lê Quang	DH19OT				2.4	3.9	6.3	0012345678910	0123456789
22	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT				2.3	6.7	9	0012345678910	0123456789
23	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
24	19154062	Trần Quốc	DH19OT				2.9	3.9	6.8	0012345678910	0123456789
25	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				3	6	9	0012345678910	0123456789
26	19154065	Diệp Vĩ	DH19OT				2.7	5.6	8.3	0012345678910	0123456789
27	19154068	Nguyễn Hồ Bảo	DH19OT				1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789
28	19154069	Phạm Đỗ Bảo	DH19OT				1.7			0012345678910	0123456789
29	19154070	Phan Văn	DH19OT				1.8			0012345678910	0123456789
30	19154074	Trần Công	DH19OT				2.9	5.6	8.5	0012345678910	0123456789
31	19154076	Trần Anh	DH19OT				2.8			0012345678910	0123456789
32	19154077	Trương Đăng	DH19OT				2.9	6.7	9.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01888

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 001_DH19OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				2.9	6.3	9.2	0012345678910	0123456789
34	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT				2.6	3.2	5.8	0012345678910	0123456789
35	19154081	Trương Bảo Lâm	DH19OT				2.3	6.3	8.6	0012345678910	0123456789
36	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT				2	-	-	0012345678910	0123456789
37	19154090	Trịnh Đình Vũ	DH19OT				2.1	0.7	2.8	0012345678910	0123456789
38	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				3	6	9	0012345678910	0123456789
39	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT				2.4	5.6	8	0012345678910	0123456789
40	19118133	Trần Hữu Khánh	DH19CC			1	2.8	4.9	8.6	0012345678910	0123456789
41	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				3	6.1	9.1	0012345678910	0123456789
42	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT				2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
43	19154096	Nguyễn Hà Phương	DH19OT				2.3	1.8	4.1	0012345678910	0123456789
44	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				2.8	6.8	9.6	0012345678910	0123456789
45	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				3	6	9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01888

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 001_DH19OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng 5.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N.V. Kiệp


Cao Đức Lợi


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH


Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01889

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 002_DH19OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 30%	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT	<i>Ngôn</i>			2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
2	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT	<i>Nguyễn</i>			2.3	1.8	4.1	0012345678910	0123456789
3	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT	<i>Nhân</i>		1	2.8	3.2	7.0	0012345678910	0123456789
4	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT	<i>Nhân</i>		1	2.6	4.9	8.5	0012345678910	0123456789
5	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT	<i>Nhị</i>		1	2.6	5.4	9.0	0012345678910	0123456789
6	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT	<i>Nguyễn</i>			2.8	5.3	8.1	0012345678910	0123456789
7	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT	<i>Nhựt</i>		0.6	2.3	4.6	7.5	0012345678910	0123456789
8	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT	<i>Phương</i>			2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
9	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD	<i>Trần</i>			1.5	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
10	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT	<i>Phương</i>			2.2	3.9	6.1	0012345678910	0123456789
11	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC	<i>Quang</i>			2.8	6	8.8	0012345678910	0123456789
12	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT	<i>Quý</i>			2.5	1.8	4.3	0012345678910	0123456789
13	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT	<i>Sang</i>			2.9	6.3	9.2	0012345678910	0123456789
14	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT	<i>Tấn</i>		1	2.3	6.7	10	0012345678910	0123456789
15	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT	<i>Thái</i>			2.9	1.1	4.0	0012345678910	0123456789
16	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT	<i>Thái</i>			2.8	6.5	9.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01889

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_06**

Tổ Thi **002_DH19OT_06**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT				2.8	6.3	9.1	0012345678910	0123456789
18	19154145	Hồ Phan Long	DH19OT				1.9	3.2	5.1	0012345678910	0123456789
19	19154147	Lê Văn	DH19OT				2.8	7	9.8	0012345678910	0123456789
20	19154158	Trần Hữu	DH19OT				2.9	4.9	7.8	0012345678910	0123456789
21	19153077	Nguyễn Gia	DH19CD				1.4	3.2	4.6	0012345678910	0123456789
22	19154165	Lê Việt	DH19OT				2.2	7	9.2	0012345678910	0123456789
23	19154166	Huỳnh Công	DH19OT				2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789
24	19154167	Nguyễn Hữu	DH19OT				2.9	4.9	7.8	0012345678910	0123456789
25	19154170	Hoàng Ngọc	DH19OT			1	2.3	6.5	9.8	0012345678910	0123456789
26	19154900	Nguyễn Huy	DH19OT				2.4	1.8	4.2	0012345678910	0123456789
27	19154172	Nguyễn Tiến	DH19OT				1.5	6	7.5	0012345678910	0123456789
28	19154177	Nguyễn Nguyên	DH19OT				1.4	—	—	0012345678910	0123456789
29	13138020	Trần Thanh	DH13TD				—	—	—	0012345678910	0123456789
30	19154184	Nguyễn Thanh	DH19OT				1.7	1.4	3.1	0012345678910	0123456789
31	19154190	Phạm Trương Quốc	DH19OT				2.1	1.1	3.2	0012345678910	0123456789
32	19154191	Trương Quốc	DH19OT				2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01889

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_06**

Tổ Thi

002_DH19OT_06

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			1	2.5	3.5	7.0	0012345678910	0123456789
34	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT				1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
35	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT				2.8	4.4	7.2	0012345678910	0123456789
36	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC				3	6	9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **34** Số sinh viên vắng **02**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Quang Trường

Lê Quang Hân

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01890

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_07**

Tổ Thi **001_DH19OT_07**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **22/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 + %	Đ2 %	Điểm tr	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK	Bao			1.6	2.5	4.1	0012345678910	0123456789
2	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT	Th			3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
3	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT	BV			2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT	Canh			2.8	4.2	7.0	0012345678910	0123456789
5	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT	Th			2	2.8	4.8	0012345678910	0123456789
6	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT	Th			3	6	9	0012345678910	0123456789
7	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT	Th			2.8	5.4	8.2	0012345678910	0123456789
8	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD	Th			2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
9	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT	Th			2.4	5.6	8.0	0012345678910	0123456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK	Th		1	3	2.5	6.5	0012345678910	0123456789
11	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK	Th			2	1.1	3.1	0012345678910	0123456789
12	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT	Th			3	6.1	9.1	0012345678910	0123456789
13	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT	Th			3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
14	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT	Th			2.7	7	9.7	0012345678910	0123456789
15	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT	Th			2.7	4.9	7.6	0012345678910	0123456789
16	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT	Th			2	2.5	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01890

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_07

Tổ Thi 001_DH19OT_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				1.8	2.5	4.2	0012345678910	0123456789
18	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				2.1	4.9	7.0	0012345678910	0123456789
19	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD				2.3	/	/	0012345678910	0123456789
20	19154048	Trần Hòa	DH19OT			0.6	2.6	6.8	10	0012345678910	0123456789
21	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT				1.6	3.2	4.8	0012345678910	0123456789
22	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT				2.5	6.3	8.8	0012345678910	0123456789
23	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				2.3	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
24	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT				0.5	/	/	0012345678910	0123456789
25	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				2.7	6.8	9.5	0012345678910	0123456789
26	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT				2.8	3.2	6.0	0012345678910	0123456789
27	17115049	Nguyễn Mạnh Huyền	DH17GB				2.3	6.3	8.6	0012345678910	0123456789
28	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT				2.5	6.7	9.2	0012345678910	0123456789
29	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			0.6	2.9	5.8	9.3	0012345678910	0123456789
30	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				3	6.5	9.5	0012345678910	0123456789
31	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
32	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT				2.3	3.2	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01890

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_07

Tổ Thi 001_DH19OT_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154072	Hồ Trường Quốc	Khánh				2	3.3	5.3	0012345678910	0123456789
34	19154073	Nguyễn Duy	Khánh				2.7	6.8	9.5	0012345678910	0123456789
35	16115076	Trần Duy	Khánh				1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
36	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa				2.6	0.7	3.3	0012345678910	0123456789
37	17154047	Phạm Tấn	Kiệt				2.6	6.5	9.1	0012345678910	0123456789
38	18154061	Chu Phú	Lân				1	3.3	4.3	0012345678910	0123456789
39	14118190	Huỳnh Công	Lân				2.9	1.1	4.0	0012345678910	0123456789
40	19154084	Ngô Minh	Lê							0012345678910	0123456789
41	17115061	Nguyễn Thị Tú	Linh				2.5	6.3	8.8	0012345678910	0123456789
42	19154087	Nguyễn Minh	Lộc			0.4	2.9	6.7	10	0012345678910	0123456789
43	18154078	Đặng Văn	Ngoan				2.1	6.7	8.8	0012345678910	0123456789
44	19154107	Đình Minh	Nhật				2.7	6	8.7	0012345678910	0123456789
45	19154108	Trương Minh	Nhật				2.7	2.5	5.2	0012345678910	0123456789
46	19154114	Hồ Thanh	Phú			0.3	2.7	7	10	0012345678910	0123456789
47	19154118	Nã Hoài	Phúc				2.3	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
48	19154119	Phạm Gia	Phúc				2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01890

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_07

Tổ Thi 001_DH19OT_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			0.5	3	6.8	10	00123456789●	●123456789
50	16114282	Trần Khương Quý	DH16GN				2.7	3.9	6.6	0012345●78910	012345●789
51	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT				2.5	6.8	9.2	0012345678●10	01●3456789
52	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT				2.3	3.8	6.0	0012345●78910	●123456789
53	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			1	2	4.2	7.2	00123456●8910	01●3456789
54	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT				2.8	4.8	7.5	00123456●8910	01234●6789
55	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT				2.6	5.6	8.2	001234567●910	01●3456789
56	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT				2.3	5.3	7.6	00123456●8910	012345●789
57	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT				2.9	5.8	8.7	001234567●910	0123456●89
58	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			1	3	3.5	7.5	00123456●8910	01234●6789
59	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT				2.8	6.8	9.5	0012345678●10	01234●6789
60	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			0.8	2.8	6.5	10	00123456789●	●123456789
61	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT				2.4	4.6	7.0	00123456●8910	●123456789
62	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			1	1.9	4.6	7.5	00123456●8910	01234●6789
63	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				2.9	5.3	8.2	001234567●910	01●3456789
64	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT				2.5	5.6	8.1	001234567●910	0●23456789



Mã nhận dạng 01890

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_07

Tổ Thi 001_DH19OT_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT				2.8	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
66	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT				2.9	2.8	5.7	0012345678910	0123456789
67	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT				2	4.2	6.2	0012345678910	0123456789
68	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				2.6	5.4	8.0	0012345678910	0123456789
69	19154168	Lê Chánh Tính	DH19OT				2.8	6.7	9.5	0012345678910	0123456789
70	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT				2.8	3.2	6.0	0012345678910	0123456789
71	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT				2.4	4.8	7.1	0012345678910	0123456789
72	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT				2.4	4.9	7.3	0012345678910	0123456789
73	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			0.6	2.9	6.5	10	0012345678910	0123456789
74	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT				1.6	3.9	5.5	0012345678910	0123456789
75	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT				2.8	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
76	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT				2.9	2.8	5.7	0012345678910	0123456789
77	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			0.3	2.9	6.8	10	0012345678910	0123456789
78	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			1	2.9	5.3	9.2	0012345678910	0123456789
79	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT				2	5.6	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01890

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_07

Tổ Thi 001_DH19OT_07

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 22/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 76 Số sinh viên vắng ...3..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

CBCT 3

Lê Văn Tuấn

Lê Khắc Quý

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang An



Mã nhận dạng 01893

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CD_01**

Tổ Thi **001_DH19CD_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD				1.5	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD				2.4	2.8	5.2	0012345678910	0123456789
3	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT		1	1.9	5.6	8.5		0012345678910	0123456789
4	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC				1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
5	19115009	Lê Nguyên Bảo	DH19CB				2.9	1.1	4.0	0012345678910	0123456789
6	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD				1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
7	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD				2.4	4.6	7.0	0012345678910	0123456789
8	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD				1.7	3.9	5.5	0012345678910	0123456789
9	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD				2.1	5.6	7.7	0012345678910	0123456789
10	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD		1	3	6	10		0012345678910	0123456789
11	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
12	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD				1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
13	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			0.3	3	6.7	10	0012345678910	0123456789
14	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD		1	2.1	6	9.1		0012345678910	0123456789
15	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD				1.7	3.9	5.5	0012345678910	0123456789
16	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01893

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD305

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19115020	Huỳnh Ngọc	Đông	DH19CB		1	3	2.1	5.1	0012345678910	0023456789	
18	15153015	Lê Cảnh Trường	Giang	DH15CD						0012345678910	0123456789	
19	19153016	Mai Xuân	Hải	DH19CD			1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789	
20	19137017	Nguyễn Thanh	Hải	DH19NL			3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789	
21	19153019	Bùi Anh	Hiếu	DH19CD						0012345678910	0123456789	
22	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	DH19CD			1.5	4.6	6.1	0012345678910	0023456789	
23	19153021	Lê Phước	Hoài	DH19CD			1.5	0.7	2.2	0012345678910	0123456789	
24	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK			1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789	
25	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD			2.1	1.4	3.5	0012345678910	0123456789	
26	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD			1.5	1.8	3.3	0012345678910	0123456789	
27	18153030	Huỳnh Minh	Kha	DH18CD			1.5	5.3	6.8	0012345678910	0123456789	
28	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD			2.6	2.5	5.0	0012345678910	0123456789	
29	19153030	Nguyễn Duy	Khang	DH19CD		1	2.1	2.1	5.2	0012345678910	0123456789	
30	19137033	Nguyễn Duy	Khánh	DH19NL			2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789	
31	19153033	Mai Đăng	Khoa	DH19CD			1.8	2.5	4.3	0012345678910	0123456789	
32	18153036	Trần Việt	Khoa	DH18CD			1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789	



Mã nhận dạng 01893

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19CD_01** Tổ Thi **001_DH19CD_01** Tên CBGD **Trương Quang Trường**
Ngày Thi **13/01/2021** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **HD305** Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD				1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
34	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD				1.5	5.3	6.8	0012345678910	0123456789
35	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD				2.1	4.9	7.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH



Mã nhận dạng 01894

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 002_DH19CD_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 30%	Điểm TKĐ	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153037	Đinh Văn Quyền	Linh	Dinh			1.8	3.9	5.7	0012345678910	0123456789
2	19153039	Lê Văn	Lộc	Le			1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
3	19153041	Đặng Sơn	Minh	Dang			3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
4	19153043	Lê Tấn Thương	Minh	Le			1.6	1.4	3.0	0012345678910	0123456789
5	19153044	Trần Văn	Nam	Tran			1.5	2.1	3.6	0012345678910	0123456789
6	19153045	Bùi Hoàng Phước	Nghĩa	Bui	vang					0012345678910	0123456789
7	19153048	Lý Thanh	Nhân	Ly			2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
8	17115074	Trần Quốc	Nhân	Tran			2.1	1.1	3.2	0012345678910	0123456789
9	18154086	Võ Đình	Nhân	Vo			1.8	0.7	2.5	0012345678910	0123456789
10	19153049	Võ Văn	Nhật	Vo		1	3	3.5	7.5	0012345678910	0123456789
11	19153052	Đỗ Văn Tình	Nhỏ	Do			1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
12	19153053	Nguyễn Vương	Nhật	Nguyen			1.5	0.0	1.5	0012345678910	0123456789
13	19153056	Lê Văn	Phong	Le			1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
14	19153057	Nguyễn Duy	Phong	Nguyen			1.6	1.4	3.0	0012345678910	0123456789
15	19153058	Cao Thành	Phú	Cao			1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
16	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	Nguyen			1.5	3.5	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01894

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 002_DH19CD_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153062	Trần Nguyên Anh	Phuong	DH19CD			1.5	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
18	19153063	Lăng Hồng	Quân	DH19CD			2.4	0.7	3.1	0012345678910	0123456789
19	19153064	Lê Hữu	Quý	DH19CD			2.4	4.9	7.3	0012345678910	0123456789
20	19153065	Lê Văn	Quý	DH19CD			1.9	5.6	7.5	0012345678910	0123456789
21	19153066	Nguyễn Trần	Sang	DH19CD		0.5	2.4	2.1	5.0	0012345678910	0123456789
22	19153068	Huỳnh Văn	Tân	DH19CD			3	4	7.0	0012345678910	0123456789
23	19153069	Lương Bảo	Thái	DH19CD						0012345678910	0123456789
24	19153070	Trương Văn	Thái	DH19CD			2.1	0.0	2.1	0012345678910	0123456789
25	19153072	Hồ Chí	Thanh	DH19CD			1.8	3.9	5.7	0012345678910	0123456789
26	19153073	Nguyễn Tuấn	Thanh	DH19CD			1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
27	19153075	Nguyễn Tấn	Thành	DH19CD			2.4	2.1	4.5	0012345678910	0123456789
28	18154113	Lê Đức	Thắng	DH18OT		1	1.8	5.3	8.1	0012345678910	0123456789
29	19153071	Nguyễn Cao	Thắng	DH19CD			1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
30	19153077	Nguyễn Gia	Thịnh	DH19CD			1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
31	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh	DH19CD			1.9	1.1	3.0	0012345678910	0123456789
32	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK			3	4	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01894

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 002_DH19CD_01

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT				1.8	3.5	5.3	00012345678910	0123456789
34	19153079	Hoàng Thông	DH19CD				2.2	2.8	5.0	00012345678910	0123456789
35	19153080	Kiều Thuy	DH19CD				2.5	2.5	5.0	00012345678910	0123456789
36	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC				1.8	6	7.8	00012345678910	0123456789
37	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD				1.9	2.1	4.0	00012345678910	0123456789
38	19153082	Nguyễn Công Quyết	DH19CD				1.8	3.2	5.0	00012345678910	0123456789
39	19153083	Giáp Trung Tín	DH19CD				1.7	0.4	2.0	00012345678910	0123456789
40	19153086	Tạ Thị Ngọc Trinh	DH19CD			1	2.4	6.3	9.7	00012345678910	0123456789
41	19153087	Đặng Nguyễn Thành Trung	DH19CD				2.7	1.8	4.5	00012345678910	0123456789
42	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD				1.5	6	7.5	00012345678910	0123456789
43	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD				0	0	0.0	00012345678910	0123456789
44	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD				1.5	0	1.5	00012345678910	0123456789
45	19153093	Trần Ngọc Vui	DH19CD				2.5	3.5	6.0	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01894

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 002_DH19CD_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Phạm Duy Lam

TH.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01897

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137001	Nguyễn Duy An	DH19NL		1					0012345678910	0123456789
2	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL		2		2.1	6	8.1	0012345678910	0123456789
3	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL		3		3	1	4.0	0012345678910	0123456789
4	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL		4		2.7	1.4	4.1	0012345678910	0123456789
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL		5		1.8	2.8	5.6	0012345678910	0123456789
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL		6		3	4	7.0	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL		7		3	1	4.0	0012345678910	0123456789
8	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL		8		3	5	8.0	0012345678910	0123456789
9	18154031	Nguyễn Minh Dương	DH18OT		9		1.8	0	1.8	0012345678910	0123456789
10	19137012	Nguyễn Văn Đám	DH19NL		10		3	1.5	4.5	0012345678910	0123456789
11	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL		11		3	7	10	0012345678910	0123456789
12	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK		12		3	1	4.0	0012345678910	0123456789
13	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL		13		3	2	5.0	0012345678910	0123456789
14	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK		14		1.5	2.5	4.0	0012345678910	0123456789
15	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT		15		2.4	5.6	8.0	0012345678910	0123456789
16	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL		16		3	4	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01897

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi

001_DH19NL_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL				2.5	3.5	6.0	0012345678910	0123456789
18	18154038	Lê Thanh Hòa	DH18OT				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
19	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
20	19137022	Phạm Văn Trí	DH19NL				2.4	2.6	5.0	0012345678910	0123456789
21	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL				2.7	2.6	7.3	0012345678910	0123456789
22	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
23	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			0.7	3	6.3	10	0012345678910	0123456789
24	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
25	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL				1.8	1.4	3.2	0012345678910	0123456789
26	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL				5	2.6	5.6	0012345678910	0123456789
27	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			1	3	4.7	8.7	0012345678910	0123456789
28	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL				5	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
29	19137038	Phạm Đình Khôi	DH19NL				3	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
30	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
31	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL				3	0	3.0	0012345678910	0123456789
32	19118135	Trần Hữu Luân	DH19CC				1.5	1.8	3.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01897

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_03**

Tổ Thi **001_DH19NL_03**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV103**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL				2.3	6.8	9.1	0012345678910	0123456789
34	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
35	19154093	Nguyễn Lê Anh Minh	DH19OT				2.7	0.7	3.4	0012345678910	0123456789
36	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK				2.1	0.7	2.8	0012345678910	0123456789
37	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL		1	2.1	4.6	7.7		0012345678910	0123456789
38	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL				2.4	6.3	8.7	0012345678910	0123456789
39	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL				1.5	1.8	3.3	0012345678910	0123456789
40	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL				2.4	0	2.4	0012345678910	0123456789
41	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT				2.7	5.3	8.0	0012345678910	0123456789
42	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL				3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
43	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK				1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
44	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL				3	0	3.0	0012345678910	0123456789
45	19118177	Nguyễn Trường Phong	DH19CC				1.5	1.8	3.3	0012345678910	0123456789
46	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK				3	4.7	7.7	0012345678910	0123456789
47	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
48	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01897

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137054	Huỳnh Thị Ngọc	Quý	DH19NL			3	7	10	0012345678910	0123456789
50	19137055	Nguyễn Thị Yến	Quyên	DH19NL			3	56	86	0012345678910	0123456789
51	19137056	Trần Nguyễn	Sang	DH19NL			2.1	1.1	3.2	0012345678910	0123456789
52	19137057	Thái Đức	Son	DH19NL			2.1	0	2.1	0012345678910	0123456789
53	19137058	Cao Tấn	Tài	DH19NL			3	1.5	4.5	0012345678910	0123456789
54	19137060	Hoàng Nhân	Tài	DH19NL			3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
55	19137059	Hồ Anh	Tài	DH19NL		1	3	2.1	6.1	0012345678910	0123456789
56	19137061	Lương Ngọc	Tân	DH19NL			3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
57	19137062	Nguyễn Đăng	Tân	DH19NL			3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
58	18154108	Trương Thành	Tấn	DH18OT			3	7	10	0012345678910	0123456789
59	19137066	Châu Văn	Thanh	DH19NL			2.1	1.4	3.5	0012345678910	0123456789
60	19137068	Huỳnh Chí	Thành	DH19NL			1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
61	19137069	Nguyễn Công	Thành	DH19NL			3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
62	19137070	Nguyễn Quốc	Thành	DH19NL			2.7	3.9	6.6	0012345678910	0123456789
63	19137065	Phạm Phước	Thắng	DH19NL			3	1.8	4.8	0012345678910	0123456789
64	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	DH18CC			3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01897

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_03

Tổ Thi 001_DH19NL_03

Tên CBGD Trương Quang Trường

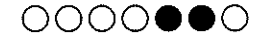
Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC	<i>Thiện</i>			1.5	6.3	7.8	0012345678910	0123456789
66	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK	<i>Thìn</i>			1.8	3.2	5.0	0012345678910	0123456789
67	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT	<i>Thịnh</i>			3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
68	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD		vắng					0012345678910	0123456789
69	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL		vắng		3			0012345678910	0123456789
70	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL	<i>Tm</i>			2.1	0	2.1	0012345678910	0123456789
71	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC	<i>Trung</i>			3	5	8.0	0012345678910	0123456789
72	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL	<i>Quoc</i>		0.7	3	6.3	10	0012345678910	0123456789
73	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC	<i>Tuân</i>			3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
74	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD		vắng					0012345678910	0123456789
75	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT	<i>Tuệ</i>			2.4	1.1	3.5	0012345678910	0123456789
76	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	<i>Vinh</i>			3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
77	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL	<i>Vu</i>			3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01897

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19NL_03** Tổ Thi **001_DH19NL_03** Tên CBGD **Trương Quang Trường**
Ngày Thi **13/01/2021** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV103**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 73, Số sinh viên vắng 4.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

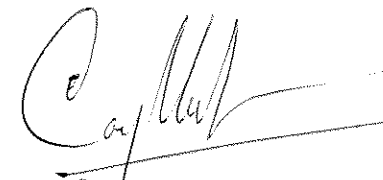
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

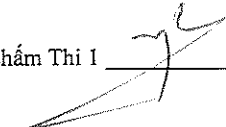
Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Binh


Nguyễn Hữu Hòa


Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH


Trương Quang Trường

CBCT 3


Bui Công Hanh



Mã nhận dạng 01898

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT				3	5	8.0	0012345678910
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT				3	2.1	5.1	0012345678910
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC				1.5	4	5.5	0012345678910
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC				2.4	6.3	8.7	0012345678910
5	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK				2.7	2.8	5.5	0012345678910
6	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT				3	1.8	4.8	0012345678910
7	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT				2.4	0.7	3.1	0012345678910
8	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT				3	5.3	8.3	0012345678910
9	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT			1	1.8	4.2	7.0	0012345678910
10	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT				3	6	9.0	0012345678910
11	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT				1.8	4.2	6.0	0012345678910
12	19154032	Võ Trùng Dương	DH19OT				2.1	3.9	6.0	0012345678910
13	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT				3	6.7	9.7	0012345678910
14	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT				2.7	6.3	9.0	0012345678910
15	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT				3	5.3	8.3	0012345678910
16	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT				2.1	2.5	4.6	0012345678910



Mã nhận dạng 01898

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT				0.9	0.8	1.6	00002345678910	0123456789
18	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
19	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT				3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
20	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT							0012345678910	0123456789
21	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD							0012345678910	0123456789
22	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT				3	1.4	4.4	0012345678910	0123456789
23	19154048	Trần Hòa	DH19OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
24	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT							0012345678910	0123456789
25	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			1	9.7	5.6	9.3	0012345678910	0123456789
26	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT							0012345678910	0123456789
27	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT				2.4	3.2	5.6	0012345678910	0123456789
28	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC				2.7	0.4	3.1	0012345678910	0123456789
29	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
30	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
31	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT			0.9	2.7	1.4	5.0	0012345678910	0123456789
32	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			1	2.5	4	7.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01898

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT	<i>Khang</i>			1.8	0	1.8	00012345678910	0123456789
34	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT	<i>Minh</i>			1.5	3.5	5.0	00012345678910	0123456789
35	19154072	Hồ Trường Quốc	DH19OT	<i>Quốc</i>			3	2.5	5.5	00012345678910	0123456789
36	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT	<i>Duy</i>			3	6.7	9.7	00012345678910	0123456789
37	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT	<i>Khánh</i>			3	2.8	5.8	00012345678910	0123456789
38	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT	<i>Đăng</i>			3	0	3.0	00012345678910	0123456789
39	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT	<i>Anh</i>			2.1	0.8	2.8	00012345678910	0123456789
40	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL	<i>Đăng</i>			1.8	0	1.8	00012345678910	0123456789
41	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT	<i>Đăng</i>			3	6.3	9.3	00012345678910	0123456789
42	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT	<i>Tuấn</i>			2.4	1.8	4.2	00012345678910	0123456789
43	19154081	Trương Bảo Lâm	DH19OT	<i>Bảo</i>			2.4	5.3	7.7	00012345678910	0123456789
44	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT	<i>Bảo</i>			3	1.5	4.5	00012345678910	0123456789
45	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK	<i>Quốc</i>			2.7	2.5	5.2	00012345678910	0123456789
46	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT	<i>Đức</i>			2.7	2.1	4.8	00012345678910	0123456789
47	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC	<i>Hữu</i>			2.7	6	8.7	00012345678910	0123456789
48	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT	<i>Minh</i>			1.8	1.8	3.6	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01898

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT				2.4	0.4	2.8	0012345678910	0123456789
50	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			1	2	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
51	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			1	2.1	2.1	5.2	0012345678910	0123456789
52	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT				2.7	0.7	3.4	0012345678910	0123456789
53	19154110	Huỳnh Đức Nhuận	DH19OT				1.6	3.9	5.5	0012345678910	0123456789
54	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT				2.1	2.1	4.2	0012345678910	0123456789
55	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT				1.9	1.1	3.0	0012345678910	0123456789
56	19154129	Phạm Ngọc Sang	DH19OT				2.7	5.6	8.3	0012345678910	0123456789
57	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
58	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT				2.1	1.4	3.5	0012345678910	0123456789
59	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT				2.1	4.2	6.3	0012345678910	0123456789
60	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT				2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
61	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK				/	2.1	2.1	0012345678910	0123456789
62	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			1	3	5.6	9.6	0012345678910	0123456789
63	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
64	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT				1.8	6	7.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01898

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154169	Nguyễn Trọng	Tính	DH19OT			2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
66	19154172	Nguyễn Tiến	Triệu	DH19OT			3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
67	19154173	Trần Hải	Triệu	DH19OT			1.8	4.2	6.0	0012345678910	0123456789
68	19154174	Nguyễn Văn	Triệu	DH19OT			2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
69	19154176	Nguyễn Lập	Trường	DH19OT			2.1	2.5	4.6	0012345678910	0123456789
70	19154177	Nguyễn Nguyên	Trường	DH19OT			2.1	1.4	3.5	0012345678910	0123456789
71	13118326	Nguyễn Nhựt	Trường	DH13CC						0012345678910	0123456789
72	19154180	Nguyễn Hữu	Tuấn	DH19OT			1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
73	19154182	Đoàn Phạm Thanh	Tùng	DH19OT			2.4	1.1	3.5	0012345678910	0123456789
74	18153082	Hà Minh	Tùng	DH18CD			2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
75	19154184	Nguyễn Thanh	Tùng	DH19OT			2.4	0	2.4	0012345678910	0123456789
76	19154190	Phạm Trương Quốc	Việt	DH19OT			1.8	1.8	3.6	0012345678910	0123456789
77	19154191	Trương Quốc	Việt	DH19OT			3	4.6	7.6	0012345678910	0123456789
78	19154195	Nguyễn Ngọc	Vinh	DH19OT			3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
79	19154196	Thạch Thanh	Vũ	DH19OT			3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
80	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	Yên	DH19CC			2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01898

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH19OT_05 Tổ Thi 001_DH19OT_05 Tên CBGD Trương Quang Trường
Ngày Thi 13/01/2021 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV303

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 25. Số sinh viên vắng 5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

TH.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01899

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19OT_06**

Tổ Thi **001_DH19OT_06**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/01/2021**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD204**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT				3	6.7	9.7	0012345678910
2	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			1	2.1	5.6	8.7	0012345678910
3	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT				1.5	2.5	4.0	0012345678910
4	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT				3	3.2	6.2	0012345678910
5	19154019	Hồ Lê Tuấn Danh	DH19OT				1.8	3.5	5.3	0012345678910
6	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT				2.1	6.7	8.8	0012345678910
7	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT				2.2	6.8	9.0	0012345678910
8	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT				1.5	5.3	6.8	0012345678910
9	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT				2.2	6.3	8.5	0012345678910
10	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT				1.5	1.8	3.3	0012345678910
11	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT				1.8	3.9	5.7	0012345678910
12	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT				2.7	2.5	5.2	0012345678910
13	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT				1.9	1.1	3.0	0012345678910
14	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT				2.1	0.7	2.8	0012345678910
15	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT				3	4.6	7.6	0012345678910
16	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT				1.8	4.2	6.0	0012345678910



Mã nhận dạng 01899

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 001_DH19OT_06

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT				1.9	1.1	3.0	00012345678910	0123456789
18	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT				2.2	5.3	7.5	00012345678910	0123456789
19	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT				2.1	6.7	8.8	00012345678910	0123456789
20	18118051	Bùi Huynh	DH18CK				1.5	4.2	5.7	00012345678910	0123456789
21	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT				3	5.3	8.3	00012345678910	0123456789
22	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT				2.2	5.3	7.5	00012345678910	0123456789
23	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT				2.1	6.7	8.8	00012345678910	0123456789
24	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT				1.8	0	1.8	00012345678910	0123456789
25	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT		rỗng		1.8	—	—	00012345678910	0123456789
26	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT				2.2	5.3	7.5	00012345678910	0123456789
27	19154082	Đặng Quang Lâm	DH19OT		rỗng		—	—	—	00012345678910	0123456789
28	19154084	Ngô Minh Lê	DH19OT		rỗng		—	—	—	00012345678910	0123456789
29	19154090	Trịnh Đình Vũ Long	DH19OT				1.8	0.7	2.5	00012345678910	0123456789
30	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT				1.9	5.6	7.5	00012345678910	0123456789
31	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT				3	4	7.0	00012345678910	0123456789
32	19154092	Trần Đức Mạnh	DH19OT				2.1	1.4	3.5	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01899

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 001_DH19OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD204

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			0.5	2.1	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
34	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT				1.5	5.3	6.8	0012345678910	0123456789
35	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT				1.5	5.3	6.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2.2 Số sinh viên vắng 0.3

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh

Lê Quang Trí

Th.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 01900

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 002_DH19OT_06

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT	<i>Ngôn</i>			1.8	6	7.8	0012345678910
2	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT	<i>Nguyên</i>			1.5	2.1	3.6	0012345678910
3	19154107	Đình Minh Nhật	DH19OT	<i>Đình</i>			1.8	6.7	8.5	0012345678910
4	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT	<i>Hoài</i>			1.5	4.2	5.7	0012345678910
5	19154104	Trần Thanh Nguyên	DH19OT	<i>Nguyên</i>			2.7	2.8	5.5	0012345678910
6	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT	<i>Phú</i>			3	6.3	9.3	0012345678910
7	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT	<i>Phúc</i>			2.7	1.8	4.5	0012345678910
8	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT	<i>Phúc</i>			2.8	3.2	6.0	0012345678910
9	19154120	Lục Lưu Phước	DH19OT	<i>Phước</i>			2.2	1.8	4.0	0012345678910
10	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT	<i>Phước</i>			3	2.8	5.8	0012345678910
11	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT	<i>Quang</i>			2.1	3.9	6.0	0012345678910
12	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT	<i>Quý</i>			1.9	4.6	6.5	0012345678910
13	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT	<i>Quyết</i>			3	3.2	6.2	0012345678910
14	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT	<i>Sang</i>			3	5.3	8.3	0012345678910
15	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT	<i>Sỹ</i>			2.7	7	9.7	0012345678910
16	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT	<i>Tài</i>			3	5.3	8.3	0012345678910



Mã nhận dạng 01900

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 002_DH19OT_06

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT				1.8	7	8.8	0012345678910	0123456789
18	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT				1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
19	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT				2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
20	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT				2.2	5.3	7.5	0012345678910	0123456789
21	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			1	3	3.2	7.2	0012345678910	0123456789
22	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT				2.7	6.3	9.0	0012345678910	0123456789
23	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT				2.1	6.7	8.8	0012345678910	0123456789
24	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			1	1.8	7	9.8	0012345678910	0123456789
25	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT				1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
26	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
27	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT				1.9	1.1	3.0	0012345678910	0123456789
28	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT				1.8	6.3	8.1	0012345678910	0123456789
29	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
30	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
31	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT				1.8	0.7	2.5	0012345678910	0123456789
32	19154162	Son Minh Thuận	DH19OT				1.5	1.8	3.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01900

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_06

Tổ Thi 002_DH19OT_06

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT				3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
34	19154165	Lê Việt	DH19OT				1.5	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
35	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
36	19154168	Lê Chánh	DH19OT				1.5	7	8.5	0012345678910	0123456789
37	19154171	Lý Ngọc	DH19OT				1.5	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
38	19154900	Nguyễn Huy	DH19OT				1.5	1.1	2.6	0012345678910	0123456789
39	14118293	Lê Văn	DH14CK		✓					0012345678910	0123456789
40	19154179	Lê Bá	DH19OT				3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
41	19154185	Trần Lâm	DH19OT				1.8	0.7	2.5	0012345678910	0123456789
42	19154186	Trần Hồng	DH19OT				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
43	19154187	Nguyễn Hoàng	DH19OT				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
44	19154192	Dương Thế	DH19OT				1.8	2.8	4.6	0012345678910	0123456789
45	19154197	Trần Thế	DH19OT				1.5	5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01900

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19OT_06** Tổ Thi **002_DH19OT_06** Tên CBGD **Trương Quang Trường**
Ngày Thi **13/01/2021** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **44** Số sinh viên vắng **01**.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

P.B.S NGUYỄN VĂN CÔNG CHÍNH
Trương Quang Trường



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 01

CBGD: Bùi Ngọc Hùng (314)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
2	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC							0012345678910	0123456789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
4	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC							0012345678910	0123456789
5	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
6	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
7	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
8	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
9	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
10	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
11	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
12	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
13	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
14	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
15	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC						9,3	0012345678910	0123456789
16	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 01

CBGD: Bùi Ngọc Hùng (314)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC	<i>Nhan</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
18	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC	<i>Nhat</i>					9,3	○○○12345678910	○123456789
19	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC	<i>Nh</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
20	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC	<i>Nh</i>					9,3	○○○12345678910	○123456789
21	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC	<i>Phat</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
22	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC	<i>Phong</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
23	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC	<i>Phu</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
24	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC	<i>Phu</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
25	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC	<i>Phu</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
26	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC	<i>Phuc</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
27	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC	<i>Sang</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
28	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC	<i>Tan</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
29	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC	<i>Thach</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
30	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC	<i>Thanh</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
31	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC	<i>Thien</i>					9,4	○○○12345678910	○123456789
32	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC	<i>Thuc</i>					9,1	○○○12345678910	○123456789



Mã nhận dạng 01037

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Vận hành BD& S.chữa máy CBNSTP (207201) - 01

CBGD: Bùi Ngọc Hùng (314)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789
34	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
35	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
36	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789
37	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
38	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
39	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789
40	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789
41	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC						9,1	0012345678910	0123456789
42	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789
43	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789
44	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC						9,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: 42

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Văn Tuấn



Mã nhận dạng 01907

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy gia công cơ học NSTP(207216)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi

001_DH17CKC_01

Tên CBGD

Bùi Ngọc Hùng

Ngày Thi 18/01/2021

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	DH17CKC		8,3	6,4	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	DH17CKC		8,0	8,3	7,8	8,0	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC		8,0	7,2	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	DH17CKC		8,3	8,2	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC		8,3	7,4	5,3	6,6	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC		8,5	8,4	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh	DH17CKC		8,5	7,2	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	DH17CKC		8,5	7,8	6,3	7,3	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	DH17CKC		8,3	7,3	4,3	6,1	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	DH17CKC		8,5	7,4	4,0	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng
 Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phan Minh Hiền
Ngày in : 11/12/2020

Nguyễn Hữu Hòa

Nguyễn Văn Công Chấn

TS. Bùi Ngọc Hùng



Mã nhận dạng 01908

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			1,0	0,6	5,3	6,9	0012345678910	0123456789
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			0,8	1,0	4,6	6,3	0012345678910	0123456789
3	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
4	17118007	Bùi Đình Bảng	DH17CK			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
5	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL			0,9	0,8	4,6	6,2	0012345678910	0123456789
7	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			0,9	1,2	4,9	7,0	0012345678910	0123456789
8	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
9	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			0,8	1,0	4,2	6,0	0012345678910	0123456789
10	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL			0,8	0,8	4,2	5,8	0012345678910	0123456789
11	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			1,0	1,0	4,9	6,9	0012345678910	0123456789
12	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			0,9	1,0	6,0	7,8	0012345678910	0123456789
13	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			0,8	1,0	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
14	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			0,9	1,4	3,2	5,4	0012345678910	0123456789
16	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			0,9	0,6	4,9	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01908

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15138031	Nguyễn Mạnh Khải	DH15TD	Khải		0,8	1,4	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
18	17118046	Trần Khải	DH17CK	Trần		1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
19	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK	LSH		0,9	1,0	4,9	6,8	0012345678910	0123456789
20	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD	Ng		0,9	1,0	3,8	4,7	0012345678910	0123456789
21	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK	Lâm		1,0	0,8	4,9	6,7	0012345678910	0123456789
22	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
23	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC	Lương		1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
24	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK	Ng		1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
25	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK	Nam		1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
26	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			1,0	0,8	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
27	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK	Phan		1,0	1,0	5,6	7,6	0012345678910	0123456789
28	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK	ng		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
29	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD	Ng		0,9	0,8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
30	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK			0,6	1,6	0,0	2,9	0012345678910	0123456789
31	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK	Phan		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
32	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK	Phu		0,9	1,2	3,9	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01908

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 90%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			0,8	0,8	4,8	6,5	0012345678910	0123456789
34	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			1,0	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
35	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
36	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			0,9	1,0	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
37	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			1,0	1,4	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
38	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			1,0	1,0	1,6	6,6	0012345678910	0123456789
39	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
40	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL			0,7	0,8	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
41	15138059	Phạm Hồng Thái	DH15TD			0,7	1,6	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
42	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			1,0	1,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
43	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			0,9	0,8	4,2	5,9	0012345678910	0123456789
44	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			1,0	1,6	5,3	7,9	0012345678910	0123456789
45	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			1,0	1,0	1,4	6,4	0012345678910	0123456789
46	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD			0,9	1,0	1,2	6,1	0012345678910	0123456789
47	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
48	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01908

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_01

Tổ Thi 001_DH17CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 11/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			1,0	1,0	4,8	6,7	0012345678910	0123456789
50	17118125	Ngô Tùng	DH17CK			1,0	1,4	6,3	8,7	0012345678910	0123456789
51	17118126	Nguyễn Thành	DH17CC			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
52	14137092	Cao Tấn	DH14NL			0,6	0,8	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
53	17118145	Trần Văn Thanh	DH17CC			0,9	1,0	4,9	6,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 49 Số sinh viên vắng 04

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phân nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
3	17118013	Lai Hàm	DH17CC			8,5	8,0	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
5	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
6	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
7	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
8	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
9	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
10	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
11	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
12	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
13	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
14	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
15	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
16	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
18	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
19	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
20	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
21	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
22	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			9,5	8,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
23	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
24	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
25	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
26	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
27	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
28	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
29	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
30	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
31	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
32	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			9,5	8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 02

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
34	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
35	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			9,5	8,0	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
36	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
37	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
38	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
39	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			8,5	8,0	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
40	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			9,5	8,5	9,5	9,1	0012345678●10	0●23456789
41	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,5	001234567●910	01234●6789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Th.S Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01910

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
✓ 1	19137001	Nguyễn Duy An	DH19NL							0012345 78910	01 3456789
2	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh		9,5	4,5	6,5	6,2	0012345 78910	01 3456789
3	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Chí		9,5	4	7,5	6,7	0012345 78910	0123 56789
4	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC	Huy		8,5	8,5	5	6,4	00123 5 78910	0123 56789
5	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL	Chấn		8,5	4,5	3	4,0	00123 5678910	123456789
6	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chí		9,5	8,5	6	7,1	00123456 78910	0 23456789
7	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chiến		9,5	5,5	4	5,0	001234 678910	123456789
8	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cường		9,5	8	6	7,0	00123456 78910	123456789
9	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cường		9,5	8,5	6	7,1	00123456 78910	0 23456789
10	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL	Đàm		9,5	8	3	5,2	001234 678910	01 3456789
11	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Đạt		9,5	7	7,5	7,6	00123456 78910	012345 789
12	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Đạt		8,5	8	7	7,5	00123456 78910	01234 6789
13	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Hải		9,5	9,5	7	8,0	001234567 910	123456789
14	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL	Hạnh		9,5	10	6	7,6	00123456 78910	012345 789
15	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL	Hậu		9,5	9,5	7	8,0	001234567 910	123456789
16	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL	Hoàng		8,5	8	3,5	5,4	001234 678910	0123 56789



Mã nhận dạng 01910

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137027	Từ Minh	Hoàng	DH17NL		9,5	5	9	7,9	0012345678910	0123456789
18	19137022	Phạm Văn Trí	Hùng	DH19NL		9,5	8	3	5,2	0012345678910	0123456789
19	19137025	Nguyễn Minh	Huy	DH19NL		9,5	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
20	19137027	Nguyễn Trần Gia	Huy	DH19NL		9,5	8	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
21	19137028	Sâm Khắc	Huy	DH19NL		9,5	6	10	8,8	0012345678910	0123456789
22	19137029	Trần Văn	Huy	DH19NL		9,5	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
23	19137023	Ngô Trần	Hưng	DH19NL		8,5	3,5	2	3,1	0012345678910	0123456789
24	16137034	Nguyễn Nho	Hưng	DH16NL		9,5	6	7	7,0	0012345678910	0123456789
25	19137024	Bùi Ngô Gia	Hữu	DH19NL		9,5	9,5	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
26	19137031	Đặng Hoàng	Khang	DH19NL		9,5	5,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
27	19137032	Nguyễn Hoàng	Khang	DH19NL		8,5	9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
28	19137033	Nguyễn Duy	Khánh	DH19NL		9,5	9,5	4	6,2	0012345678910	0123456789
29	19137038	Phạm Đình	Khôi	DH19NL		8,5	10	5	6,9	0012345678910	0123456789
30	19137041	Nguyễn Phúc	Lộc	DH19NL		8,5	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
31	19137042	Bùi Thị Yến	Mi	DH19NL		8,5	10	7	8,1	0012345678910	0123456789
32	19137043	Phạm Nhật	Nam	DH19NL		9,5	10	5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01910

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			9,5	9	7	7,9	0012345678910	0123456789
34	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			9,5	4,5	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
35	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			9,5	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
36	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			9,5	9,5	7	8,0	0012345678910	0123456789
37	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			9,5	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
38	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL			8,5	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
39	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			9,5	10	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
40	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			9,5	10	8,5	9,1	0012345678910	0123456789
41	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			9,5	6	7	7,0	0012345678910	0123456789
42	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			9,5	8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
43	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			9,5	5	2	3,7	0012345678910	0123456789
44	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL			9,5	8	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
45	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			9,5	9	3	5,5	0012345678910	0123456789
46	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			8,5	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
47	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			9,5	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
48	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			8,5	8	3	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01910

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **14/01/2021**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV103**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			7,5	2,5	2,5	3,0	00012345678910	0123456789
50	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			9,5	8	5	6,4	00012345678910	0123456789
51	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			9,5	9	7	7,9	00012345678910	0123456789
52	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			9,5	8	5	6,4	00012345678910	0123456789
53	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			9,5	2,5	3,5	3,8	00012345678910	0123456789
54	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL			9,5	4	2	3,4	00012345678910	0123456789
55	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			9,5	8	3,5	5,5	00012345678910	0123456789
56	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiến	DH17CC			8,5	6,5	6	6,4	00012345678910	0123456789
✓ 57	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							00012345678910	0123456789
58	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			9,5	4	2,5	3,7	00012345678910	0123456789
59	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			9,5	9	10	9,7	00012345678910	0123456789
60	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			9,5	9	10	9,7	00012345678910	0123456789
61	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			8,5	8	4	5,7	00012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01910

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH19NL_01** Tổ Thi **001_DH19NL_01** Tên CBGD **Lê Anh Đức**
Ngày Thi **14/01/2021** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **TV103**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 59 Số sinh viên vắng 2

Ngày 03 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Phan Minh Hiền


Bùi Công Hành


Th.S Nguyễn Văn Công Chính


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 01911

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	Anh		1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng	DH18CC	Hoàng		1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí	DH18CC	Bao		1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
4	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC	Huy		6,6	1,0	1,8	3,4	0012345678910	0123456789
5	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC	Cao		1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
6	18118029	Trần Vĩnh	DH18CC	Dung		0,9	1,2	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
7	18118033	Lê Phúc	DH18CC	Phuc		0,8	1,0	1,1	2,8	0012345678910	0123456789
8	18118036	Ứng Phương	DH18CC	Dung		1,0	0,8	1,8	3,6	0012345678910	0123456789
9	18118014	Bạch Thanh	DH18CC	Thanh		0,9	1,6	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
10	18118022	Phan Thành	DH18CC	Thanh		0,9	1,0	4,9	6,8	0012345678910	0123456789
11	18118015	Nguyễn Hải	DH18CC	Hai		0,6	1,2	0,7	2,5	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân	DH18CC	Xuan		1,0	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
13	15153017	Trịnh Văn	DH15CD	Van		0,8	1,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
14	18118039	Trần Tuấn	DH18CC	Tuan		0,8	1,4	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
15	18153027	Trần Ngọc	DH18CD	Ngoc		1,0	1,4	6,7	9,1	0012345678910	0123456789
16	18153035	Vũ Chúc	DH18CD	Chuc		1,0	0,8	4,9	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01911

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 điểm %	Đ2 điểm %	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC			0,9	1,6	4,9	7,4	0012345678910	0123456789
18	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC			0,9	1,6	0,7	3,2	0012345678910	0123456789
19	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
20	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
21	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
22	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			0,9	1,8	4,9	7,6	0012345678910	0123456789
23	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
24	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			1,0	1,8	4,9	7,0	0012345678910	0123456789
25	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			0,8	1,2	5,2	7,2	0012345678910	0123456789
26	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			0,6	1,4	1,4	3,4	0012345678910	0123456789
27	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			0,9	1,2	1,8	3,8	0012345678910	0123456789
28	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			1,0	1,4	6,3	8,7	0012345678910	0123456789
29	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			0,8	1,4	1,6	6,8	0012345678910	0123456789
30	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			0,9	1,6	2,1	4,6	0012345678910	0123456789
31	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			0,9	1,6	2,1	4,6	0012345678910	0123456789
32	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			0,8	0,8	4,6	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01911

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
34	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			1,0	0,6	1,8	3,4	0012345678910	0123456789
35	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			1,0	1,6	5,3	7,9	0012345678910	0123456789
36	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			0,9	0,8	4,2	5,9	0012345678910	0123456789
37	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
38	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			0,9	1,2	0,8	2,8	0012345678910	0123456789
39	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			1,0	0,8	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
40	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			0,9	1,6	6,3	8,8	0012345678910	0123456789
41	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			0,0	0,0	4,9	4,2	0012345678910	0123456789
42	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			0,9	1,6	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
43	17118114	Bùi Minh Thương	DH17CC			1,0	1,2	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
44	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			0,9	1,4	3,2	5,4	0012345678910	0123456789
45	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			0,9	1,6	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
46	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			0,9	1,0	3,8	4,7	0012345678910	0123456789
47	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD			1,0	1,0	3,1	4,1	0012345678910	0123456789
48	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01911

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			0,9	1,6	5,6	8,1	0012345678910	0123456789
50	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			1,0	0,8	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
51	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			0,9	0,8	2,1	3,8	0012345678910	0123456789
52	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			0,9	1,2	4,2	6,3	0012345678910	0123456789
53	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
54	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
55	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			1,0	1,0	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
56	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			0,9	1,0	4,2	6,1	0012345678910	0123456789
57	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			1,0	1,6	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
58	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			1,0	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
59	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			0,9	1,2	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
60	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
61	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			1,0	1,0	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
62	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			0,6	1,4	3,8	5,9	0012345678910	0123456789
63	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			0,8	1,4	3,5	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01911

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221) Số Tín Ch 2
 Nhóm Thi DH18CC_01 Tổ Thi 001_DH18CC_01 Tên CBGD Trần Văn Tuấn
 Ngày Thi 13/01/2021 Giờ Thi 09:45 Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 63 Số sinh viên vắng ...

Ngày 21 Tháng 02 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ban Coi Thi 1

Lê Quang Vinh

K. Lê Thị Tiên

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 01913

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi 001_DH18NL_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			1,0	1,8	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
2	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			1,0	1,8	6,3	9,1	0012345678910	0123456789
3	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			1,0	1,8	6,7	9,5	0012345678910	0123456789
4	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			1,0	0,6	0,7	2,3	0012345678910	0123456789
5	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			1,0	0,2	3,9	5,1	0012345678910	0123456789
6	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			0,9	1,8	6,3	9,0	0012345678910	0123456789
7	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			1,0	2,0	4,9	7,9	0012345678910	0123456789
8	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			1,0	2,0	7,0	10,0	0012345678910	0123456789
9	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			0,8	0,0	0,7	1,5	0012345678910	0123456789
10	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			1,0	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
11	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			1,0	1,0	4,9	6,9	0012345678910	0123456789
12	18153033	Nguyễn Viết Vinh Khang	DH18CD			1,0	1,8	3,2	6,0	0012345678910	0123456789
13	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			0,8	0,6	0,0	1,4	0012345678910	0123456789
14	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
15	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
16	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			0,9	1,0	2,8	4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01913

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi 001_DH18NL_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		0,9	1,6	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
18	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL	<i>phat</i>		0,9	1,8	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
19	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC	<i>phong</i>		1,0	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
20	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL	<i>phong</i>		1,0	1,8	3,2	6,0	0012345678910	0123456789
21	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL	<i>phong</i>		1,0	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
22	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD	<i>phong</i>		1,0	1,8	4,9	7,7	0012345678910	0123456789
23	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD	<i>phong</i>		1,0	1,0	3,9	5,9	0012345678910	0123456789
24	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL	<i>phong</i>		1,0	1,6	3,0	9,6	0012345678910	0123456789
25	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD	<i>phong</i>		1,0	0,8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
26	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD	<i>phong</i>		1,0	1,6	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
27	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD	<i>phong</i>		0,9	1,0	3,9	5,3	0012345678910	0123456789
28	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD	<i>phong</i>		1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
29	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL	<i>phong</i>		1,0	0,6	5,6	7,2	0012345678910	0123456789
30	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL	<i>phong</i>		0,9	0,8	5,3	6,9	0012345678910	0123456789
31	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL	<i>phong</i>		0,9	0,0	0,0	0,1	0012345678910	0123456789
32	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC	<i>phong</i>		0,9	0,0	0,0	0,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 01913

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18NL_02

Tổ Thi

001_DH18NL_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC	<i>Tuấn</i>		1,0	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
34	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD	<i>Khải</i>		1,0	1,0	1,1	3,1	0012345678910	0123456789
35	18137050	Nguyễn Thị Yên	DH18NL	<i>Yên</i>		1,0	2,0	6,7	9,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 32 Số sinh viên vắng3

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hien

Trần Văn Tuấn

TS. Võ Thị Hiền

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 01912

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_03

Tổ Thi 001_DH18CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thử	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			0,8	1,6	0,7	3,1	0012345678910	023456789
2	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD			1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
3	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD			0,8	1,8	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
4	18118007	Nguyễn Văn Quốc Bảo	DH18CK			0,3	0,0	0,0	0,3	0012345678910	0123456789
5	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			1,0	0,8	3,2	5,0	0012345678910	0123456789
6	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			1,0	1,8	3,2	6,0	0012345678910	0123456789
7	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			0,4	1,6	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
8	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			1,0	1,6	1,4	4,0	0012345678910	0123456789
9	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			0,9	0,8	3,2	4,8	0012345678910	0123456789
10	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			0,9	1,2	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
11	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
12	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
13	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD			1,6	1,2	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
14	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
15	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			0,9	1,6	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
16	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			0,9	1,2	4,6	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01912

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_03

Tổ Thi 001_DH18CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 42%	Đ2 22%	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			1,0	1,6	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
18	16153027	Hán Tấn Hiếu	DH16CD			0,8	1,6	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
19	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			1,0	1,6	2,2	5,8	0012345678910	0123456789
20	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			0,9	1,6	2,2	5,6	0012345678910	0123456789
21	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			0,1	4,0	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
22	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD			0,9	1,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
23	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
24	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
25	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			1,0	1,6	6,7	9,3	0012345678910	0123456789
26	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1,0	1,2	4,8	4,0	0012345678910	0123456789
27	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
28	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
29	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			0,9	1,0	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
30	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
31	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			1,0	1,2	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
32	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			0,9	1,2	6,7	2,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01912

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_03

Tổ Thi 001_DH18CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thấp	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK	Long		1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
34	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK	Long		0,9	0,0	3,2	4,0	0012345678910	0123456789
35	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK	Lê		1,0	1,8	4,6	7,4	0012345678910	0123456789
36	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	Mạnh		0,9	1,2	6,7	2,8	0012345678910	0123456789
37	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	minh		1,0	1,6	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
38	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK	Minh		0,9	0,0	0,7	1,6	0012345678910	0123456789
39	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD	nguy		1,0	1,6	2,1	4,7	0012345678910	0123456789
40	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK	Ng		1,0	1,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
41	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK	le		0,9	1,8	4,9	7,6	0012345678910	0123456789
42	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK	Phat		1,0	1,0	0,7	2,7	0012345678910	0123456789
43	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK	Phi		1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
44	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL	ph		0,9	1,2	4,2	6,3	0012345678910	0123456789
45	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK	Phong		1,0	1,6	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
46	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK	ph		0,9	1,0	0,7	2,6	0012345678910	0123456789
47	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK	Phu		0,8	1,6	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
48	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK	CM		1,0	1,6	4,4	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01912

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_03

Tổ Thi 001_DH18CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			1,0	1,8	2,1	4,6	0012345678910	0123456789
50	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			1,0	1,8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
51	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			0,8	1,6	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
52	18118115	Quách Ngọc Quí	DH18CK			1,0	1,2	6,0	8,2	0012345678910	0123456789
53	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			0,9	1,4	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
54	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			0,6	1,4	3,9	5,9	0012345678910	0123456789
55	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
56	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
57	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
58	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			1,0	1,0	4,9	6,9	0012345678910	0123456789
59	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			0,9	1,8	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
60	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
61	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			1,0	1,8	2,8	5,6	0012345678910	0123456789
62	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			1,0	1,8	6,7	3,5	0012345678910	0123456789
63	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
64	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			0,9	1,2	3,9	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 01912

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_03

Tổ Thi 001_DH18CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 13/01/2021

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 12%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			1,0	1,6	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
66	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			1,0	1,6	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
67	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			0,9	1,9	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
68	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
69	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
70	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			1,0	1,4	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
71	18118182	Ngô Văn Viết	DH18CK			1,0	2,0	6,0	9,0	0012345678910	0123456789
72	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			1,0	1,6	6,3	8,9	0012345678910	0123456789
73	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			1,0	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
74	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 73. Số sinh viên vắng 01

Ngày 21 Tháng 02 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 11/12/2020